TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 437/2017/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 7 - 2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, TP. HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Hạ

Ông Hoàng Đắc Hân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trịnh Văn D, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1971, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã H, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 1, trại giam Xuân Nguyên, địa chỉ: Xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 01 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Trịnh Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị Đoàn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 80 đăng ký ngày 11 tháng 10 năm 2004). Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống tại thôn A, xã H. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, anh tham gia khuyên bảo nhưng chị H không nghe nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng, xúc phạm nhau. Năm 2014 chị H vi phạm pháp luật bị kết án phạt tù và hiện đang chấp hành án tại trại giam. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn chị H.

- Về con chung: Anh D và chị H có 02 con chung tên là Trịnh Quang H sinh ngày 19 tháng 5 năm 2005 và Trịnh Quang D sinh ngày 13 tháng 7 năm 2009. Anh trực tiếp nuôi 02 con từ khi chị H chấp hành án phạt tù cho đến nay, con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi 02 con. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại văn bản ghi ý kiến ngày 20/4/2017, bị đơn chị Đoàn Thị H trình bày: Công nhận lời trình bày của anh D về điều kiện, thời gian và nơi đăng ký kết hôn là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, không có mâu thuẫn gì. Năm 2014, chị vi phạm pháp luật bị kết án phạt tù và hiện đang chấp hành án tại trại giam. Anh D xin ly hôn thì chị không đồng ý ly hôn. Chị H công nhận vợ chồng có 02 con chung như anh D trình bày và lời trình bày của anh D về con chung là đúng. Chị không đồng ý ly hôn nên không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề con chung. Chị H không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về tài sản chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyền vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật và những người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Anh Trịnh Văn D và chị Đoàn Thị H đều thống nhất về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và có hai con chung như đã trình bày và phù hợp với bản sao giấy

đăng ký kết hôn, bản sao giấy khai sinh của con chung mà anh Trịnh Văn D đã giao nộp cho Tòa án, phù hợp với tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H. Cháu Trịnh Quang H và Trịnh Quang D khai: Nếu bố mẹ ly hôn, cháu xin tiếp tục ở với bố là Trịnh Văn D. Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2012. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Năm 2014, chị H vi phạm pháp luật bị kết án phạt tù và hiện đang chấp hành án tại trại giam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là anh Trịnh Văn D vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn là chị Đoàn Thị H vắng mặt. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị H đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 80 đăng ký ngày 11 tháng 10 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của các đương sự, tài liệu điều tra xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh D yêu cầu ly hôn, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh D được ly hôn chị H.

[3]. Về con chung: Anh D và chị H có hai con chung tên là Trịnh Quang H sinh ngày 19 tháng 5 năm 2005 và Trịnh Quang D sinh ngày 13 tháng 7 năm 2009. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy, anh D trực tiếp nuôi hai con từ khi chị H chấp hành án cho đến nay, việc nuôi con đã ổn định, khi ly hôn anh D đề nghị được tiếp tục nuôi hai con, hai con có nguyện vọng muốn được ở với anh D, chị H đang phải chấp hành án không có điều kiện nuôi con. Do vậy, cần giao hai con chung cho anh D trực tiếp nuôi là phù hợp với các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D không yêu cầu chị Hương phải có nghĩa vụ, chị H không có ý kiến gì, mặt khác chị H đang phải chấp hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Anh D trình bày anh và chị H không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị H chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về án phí: Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Anh Trịnh Văn D được ly hôn chị Đoàn Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh Trịnh Văn D trực tiếp nuôi hai con chung tên là Trịnh Quang H sinh ngày 19 tháng 5 năm 2005 và Trịnh Quang D sinh ngày 13 tháng 7 năm 2009 cho đến khi con đủ mười tám tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trịnh Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000732 ngày 07 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng. Anh Trịnh Văn D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND huyện T, HP;
- Chi cục THADS huyện T, HP;
- UBND xã H, huyện T, HP;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Lý